TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YS** **TỈNH TQ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2022
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo P - Thư ký Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị P**, sinh năm 1979

- *Bị đơn:* Anh **Lương Văn T**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 22/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh T, sau một thời gian vợ chồng chị làm nhà ra ở giêng tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh T sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề

nghị Tòa án nhân dân huyện YS giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, là cháu Lương Anh T1, sinh năm 2000 và cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006, cháu T1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu H, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết; về nợ chung chị xác định không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành gửi giấy triệu tập nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng theo uy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa P được biết, hiện anh T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác tại địa P nơi anh T cư trú để anh T đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Vũ Thị P và anh Lương Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa P. Sau khi kết hôn vợ chồng chị P, anh T về chung sống với gia đình anh T một thời gian sau đó ra ở giêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế. Chị P và anh T sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện vợ chồng chị P và anh T không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị P, anh T có 02 con chung là cháu Lương Anh T1, sinh năm 2000 và cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006, hiện nay cháu T1 đã trưởng thành, còn cháu H đang ở với anh T tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị P, anh T địa P không nắm được. Về hộ khẩu thường trú của anh T, hiện anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ, nay anh Thông đi làm ăn xa, nhưng thường xuyên về nhà, anh T không thông báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và địa P không biết anh T đang làm gì, ở đâu. Về thu nhập bình quân của chị P khoảng 200.000 đồng đến 250.000 đồng/1 ngày. Còn thu nhập của anh T địa P không nắm được.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T. Về con chung, chị và anh T có 02 con chung, là cháu Lương Anh T1, sinh năm 2000 và cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006, cháu T1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau

khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Lương Văn T. Về con chung, giao Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006 cho chị Vũ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung, chị P xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí, chị Vũ Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Vũ Thị P và bị đơn anh Lương Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ nên chị P khởi kiện xin ly hôn với anh Lương Văn T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa P được biết, anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sống tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ. Anh T có biết việc chị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết, anh T đi làm ăn xa nhưng không báo địa chỉ mới nên Công an, địa P và gia đình không nắm được. Tòa án đã gửi giấy triệu tập và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa P nơi anh T cư trú để anh T biết đến Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhưng anh T không đến Toà án giải quyết vụ việc, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn T.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Lương Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã MB, huyện YS, tỉnh TQ và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa P, như vậy đây là quan hệ

hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị P, anh T về chung sống với gia đình anh T được một thời gian sau đó ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chị P và anh T sống ly thân từ năm 2020 đến nay nên không còn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị P, anh T Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Vương Văn T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Chị Vũ Thị P và anh Lương Văn T có 02 con chung, là cháu Lương Anh T1, sinh năm 2000 và cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006, hiện nay cháu T1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, còn cháu H đang ở với T tại thôn Cây Q1, xã MB, huyện YS, tỉnh TQ, sau khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn và xét điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con chung thì chị P và anh T có quyền, nghĩa vụ cũng như về điều kiện kinh tế như nhau. Tuy nhiên anh T thường xuyên đi làm ăn xa, không đảm bảo điều kiện để nuôi con chung và theo nguyện vọng của cháu Lương Thị H xin được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, giao cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**5**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị P phải nộp án phí theo theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[**6**] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị H, sinh ngày 04/7/2006 cho chị Vũ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị P phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003884, ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ. Anh Lương Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị P và anh Lương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã MB (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm	**Nguyễn Xuân Thủy**

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy